

Thứ năm, ngày 26 tháng 11 năm 2020

Vietnam Daily Review

Vượt ngưỡng 1000 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/11/2020		•	
Tuần 23/11-27/11/2020		•	
Tháng 11/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index đã vượt ngưỡng 1000 điểm trong phiên giao dịch hôm nay với lực mua tăng mạnh vào cuối phiên ATC. Dòng tiền đầu tư có phần tăng trở lại so với phiên trước khi có 14/19 nhóm ngành tăng điểm. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ, biên độ thị trường nói rộng và độ rộng thị trường cân bằng đang cho cho thấy dấu hiệu khởi đầu của xu hướng giao dịch thận trọng tại ngưỡng 1000 điểm. Khối ngoại quay trở lại bán ròng trên sàn HOSE trong khi mua ròng tại sàn HNX. BSC dự đoán VN-Index sẽ tiếp tục vận động quanh ngưỡng 1000 điểm này trước khi hình thành xu hướng mới trong trung trung hạn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 970 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/11/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản & Khu công nghiệp_1.4%

Phân tích kỹ thuật: GEG_ Xu hướng tăng (Trang 4)

Điểm nhấn

- VN-Index **+6.74** điểm, đóng cửa **990.00** điểm. HNX-Index **+0.36** điểm, đóng cửa **147.21** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.45)**, **CTG(+1.08)**, **BCM(+0.75)**, **GVR(+0.55)**, **VCB(+0.51)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.74)**; **HPG (-0.46)**; **VNM (-0.35)**; **VRE (-0.23)**; **BVH (-0.12)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,357 tỷ đồng**, **- 8.5%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 11.06 điểm, nói rộng so với phiên trước. Thị trường có **203** mã tăng, 76 mã tham chiếu và **216** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **-476.49** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HDB (-299.1 tỷ)**, **HPG (-157.3 tỷ)** và **MBB (-54.6 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **8.62** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1005.97**
Giá trị: 8357.97 tỷ **6.03 (0.6%)**
Khối ngoại (ròng): -476.49 tỷ

HNX-INDEX **148.40**
Giá trị: 480.7 tỷ **0.31 (0.21%)**
Khối ngoại (ròng): 8.62 tỷ

UPCOM-INDEX **66.50**
Giá trị: 0.52 tỷ **-0.1 (-0.15%)**
Khối ngoại(ròng): 7.81 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	45.3	-0.98%
Giá vàng	1,815	0.40%
Tỷ giá USD/VND	23,165	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,619	0.21%
Tỷ giá JPY/VND	22,208	0.19%
LS liên NH 1 tháng	0.3%	27.91%
LS TPCP 5 năm	1.2%	-0.80%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFVN1	54.5	HDB	299.1
VRE	13.7	HPG	157.3
BID	12.0	MBB	54.6
TCH	9.8	PLX	32.5
HDG	9.4	VHM	27.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản & Khu công nghiệp_1.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	11/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.4%	2.0%	12.5%	11.0%	27.9%	13.1%	24.1%
EVFTA	1.3%	2.4%	17.5%	15.1%	16.3%	16.3%	19.1%
Chiến tranh thương mại	1.1%	2.2%	17.9%	19.3%	46.7%	26.9%	29.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.1%	0.9%	21.4%	19.5%	44.0%	45.0%	28.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.1%	2.4%	10.4%	10.1%	25.4%	11.5%	30.3%
Ngân Hàng	1.1%	1.6%	11.4%	15.7%	39.8%	27.7%	32.0%
Vật liệu Xây dựng	0.8%	3.9%	20.1%	23.7%	48.3%	44.9%	27.9%
VN FinSelect	0.8%	2.1%	9.7%	9.5%	24.0%	10.6%	28.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.8%	1.7%	10.5%	13.8%	34.0%	13.3%	28.7%
VN Diamond	0.7%	2.2%	8.3%	10.2%	26.9%	4.4%	29.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.6%	1.4%	6.7%	9.5%	26.3%	10.8%	26.6%
Lãi suất giảm	0.6%	3.4%	23.3%	20.9%	49.0%	44.4%	31.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.5%	1.7%	11.4%	15.8%	33.8%	7.4%	30.7%
Hàng tiêu dùng	0.5%	2.9%	11.9%	19.1%	40.9%	29.3%	28.2%
Stay-at-home	0.4%	4.0%	17.4%	15.2%	39.4%	45.8%	32.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	0.7%	7.3%	6.1%	26.2%	29.0%	20.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.1%	3.3%	13.3%	16.8%	37.4%	29.0%	29.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.0%	1.2%	8.8%	15.2%	34.6%	19.6%	26.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	1.3%	6.4%	12.8%	23.3%	6.7%	24.2%
Nước & Năng lượng	-0.2%	2.1%	10.3%	6.5%	23.5%	11.1%	24.6%
Xây dựng	-0.4%	1.3%	16.5%	14.0%	39.7%	29.2%	29.4%
FTSE Việt Nam	-0.4%	0.9%	5.7%	10.2%	20.4%	7.4%	24.2%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.5%	1.7%	5.6%	6.5%	21.7%	11.4%	20.5%
Đầu tư công	-1.1%	-1.5%	16.2%	14.4%	43.0%	34.8%	24.7%
Corona Avengers	-1.2%	1.5%	17.9%	15.5%	34.9%	30.0%	32.8%
Dầu khí	-1.9%	-0.2%	12.9%	6.3%	19.5%	-8.6%	37.3%

Mục tiêu	1/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	1.7%	4.0%	16.8%	19.9%	42.3%	23.5%	29.5%
M12	0.6%	1.8%	9.8%	13.1%	26.6%	12.8%	24.7%
L22	0.5%	1.7%	10.1%	10.6%	32.2%	12.2%	26.8%
S32	0.5%	4.2%	17.6%	23.0%	43.4%	16.2%	32.5%
S11	0.4%	1.8%	12.9%	17.0%	37.4%	36.5%	24.9%
L11	0.2%	0.5%	6.3%	7.4%	24.0%	10.0%	23.5%
S21	0.1%	0.9%	12.0%	13.5%	37.3%	18.7%	26.8%
L32	0.0%	1.1%	11.5%	20.7%	38.4%	11.7%	29.8%
M22	0.0%	2.0%	11.4%	13.3%	28.9%	22.1%	25.0%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	0.9%	1.0%	8.6%	9.6%	22.1%	9.6%	24.6%
MID1	0.8%	2.4%	11.4%	13.7%	36.6%	31.8%	24.7%
HIGH3	0.7%	1.3%	9.1%	13.4%	31.2%	13.8%	27.6%

INDEX							
VNINDEX	0.6%	1.6%	8.7%	11.1%	21.9%	4.7%	23.5%
VN30INDEX	0.4%	1.4%	8.0%	12.3%	25.1%	9.7%	24.8%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	11	15	15	11	20	6
Mục tiêu	9	1	8	6	3	8	1
Rủi ro	3	3	0	1	2	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvuq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 26/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	46.01	0.66%	9.80%	15.40%	-15.48%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	48.98	0.76%	10.80%	17.70%	-16.84%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	128.77	0.02%	10.80%	14.10%	-17.02%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1809.92	0.13%	-3.00%	-5.10%	23.60%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.38	0.12%	-2.80%	-4.10%	40.32%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1184.00	-0.61%	0.70%	9.30%	26.09%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	596.50	-3.40%	-1.60%	-3.80%	6.90%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.11	-0.13%	-0.20%	1.50%	32.13%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	227.28	-0.02%	6.00%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.77	-1.80%	-4.40%	0.00%	8.52%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	117.15	1.08%	-4.60%	7.10%	-7.97%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	7300.00	0.10%	3.00%	7.70%	22.79%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	590.21	0.05%	-1.30%	9.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	618.22	0.93%	-0.10%	9.00%			
Nhôm	USD/ton	1970.00	-0.83%	-1.40%	7.80%	11.68%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	135.07	1.15%	1.90%	18.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.35	0.65%	9.30%	11.00%	-9.11%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 75 US cent tương đương 1.6% lên 48.61 USD/thùng. Dầu Tây Texas Mỹ (WTI) kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 80 US cent tương đương 1.8% lên 45.71 USD/thùng.
- Trong tuần trước, tồn trữ dầu thô của Mỹ giảm 754,000 thùng, so với mức tăng 127,000 tấn của các nhà phân tích. Tồn trữ dầu thô tại các điểm giao nhận Cushing, Oklahoma giảm 1,7 triệu thùng. Tuy nhiên, mức tăng giá dầu bị hạn chế bởi mối lo ngại về nhu cầu xăng hàng tuần của Mỹ giảm 128,000 thùng/ngày (bpd) xuống 8.13 triệu bpd – thấp nhất kể từ tháng 6/2020.

Giá vàng

- Vàng giao ngay thay đổi nhẹ ở mức 1,806.87 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 0.1% lên 1,805.5 USD/ounce.
- Bộ Lao động Mỹ cho biết, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp của nước này vào tuần trước tăng lên 778,000 từ mức 748,000 tuần trước đó.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 0.6% lên 880 CNY (133.68 USD)/tấn, giá thép cây kỳ hạn tháng 1/2021 giảm 1.2% xuống 3,865 CNY/tấn, thép cuộn cán nóng tăng 0.1% lên 4,032 CNY/tấn.
- Xuất khẩu quặng sắt từ Australia và Brazil trong tuần trước giảm 2.2 triệu tấn xuống 23.7 triệu tấn, công ty tư vấn Mysteel cho biết.

Giá cao su

Hợp đồng cao su tháng 4/2021 trên sàn Osaka tăng 3.2 JPY tương đương 1.4% lên 138 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 1.5% lên 14,735 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE giảm 0.27 US cent tương đương 1.8% xuống 14.77 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn London giảm 7.9 USD tương đương 2.3% xuống 400.7 USD/tấn.
- Khu vực trung nam Brazil sản xuất 1,2 triệu tấn đường trong nửa đầu tháng 11/2020, tăng 57% so với cùng kỳ năm ngoái, Hiệp hội ngành mía đường UNICA cho biết.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 1.25 US cent tương đương 1.1% lên 1.1715 USD/lb. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 11 USD tương đương 0.8% lên 1,376 USD/tấn.
- Giá cà phê được hỗ trợ bởi thời tiết khô tại khu vực phía nam Brazil, làm giảm triển vọng năng suất cây trồng tại nước sản xuất hàng đầu thế giới trong niên vụ tới.

	26/11	% 26/11	25/11	% 25/11	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1005.97	0.60%	999.94	0.42%	2.31%	6.29%
S&P 500			3629.65	-0.16%	1.73%	6.72%
HĐTL S&P500	3632.50	0.14%	3627.25	-0.15%	1.47%	7.38%
Shang- hai	3369.73	0.22%	3362.33	-1.19%	0.20%	3.55%
Euro Stoxx	3518.44	0.19%	3511.90	0.11%	1.93%	14.58%

Phân tích kỹ thuật

GEG_ Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD vượt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: GEG đang nằm trong xu hướng tăng giá từ vùng đáy 14.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều đang ủng hộ nhịp hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, phản ánh xu hướng tăng giá trung hạn. Như vậy, nhà đầu có thể mở vị thế cổ phiếu quanh vùng giá 16.50 và cân nhắc chốt lãi khi cổ phiếu trở về vùng giá 18.5, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 15.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

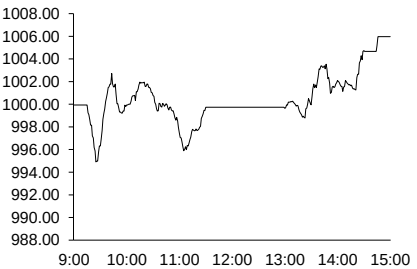
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-0.66%
Bảo hiểm	-0.62%
Truyền thông	-0.32%
Y tế	-0.05%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.03%
Dịch vụ tài chính	0.07%
Bất động sản	0.15%
Xây dựng và Vật liệu	0.22%
Viễn thông	0.38%
Du lịch và Giải trí	0.44%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.46%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.56%
Thực phẩm và đồ uống	0.57%
Bán lẻ	0.71%
Công nghệ Thông tin	0.76%
Ngân hàng	1.18%
Ô tô và phụ tùng	1.46%
Dầu khí	1.56%
Hóa chất	1.57%

Hình 1

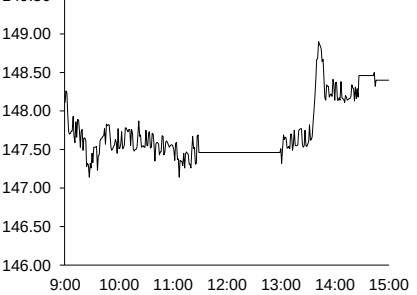
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

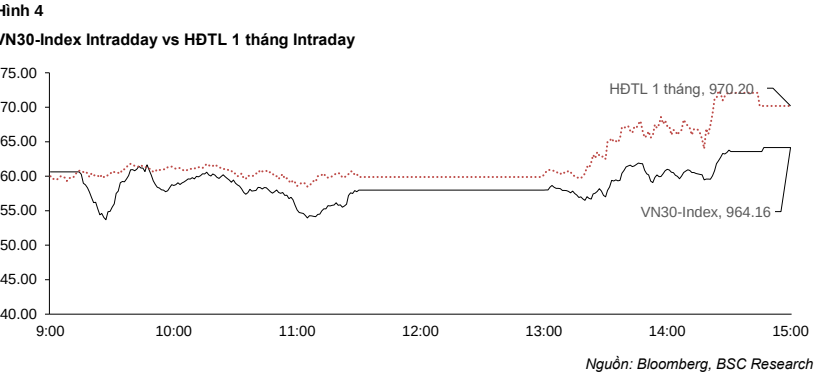
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/25/2020	APC	21.45	24	20.5	21.55	1	0.47%	Có thể tiếp tục mua
11/24/2020	TV2	49.8	55	48	48.9	2	-1.81%	Có thể tiếp tục mua
11/20/2020	VGI	29.7	33	28	30.7	6	3.37%	Có thể tiếp tục mua
11/19/2020	VRE	27.9	31	27	27.9	7	0.00%	Có thể tiếp tục mua
11/18/2020	VGTT	9.3	11.2	8.5	9.3	8	0.00%	Có thể tiếp tục mua
11/17/2020	BSR	7.3	8.5	6.6	7.3	9	0.00%	Có thể tiếp tục mua
11/16/2020	TCB	22.9	25	21.5	23.6	10	3.06%	Có thể tiếp tục mua
11/13/2020	VCB	86.9	96	84.5	94	13	8.17%	Cần nhắc không mua thêm (**)
11/9/2020	TNG	13.3	17	12	14.1	17	6.02%	Có thể tiếp tục mua
11/6/2020	DXG	12.6	14.75	11	13.7	20	8.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/2/2020	FIR	24.5	27	23.5	25	24	2.04%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/30/2020	MWG	104.7	120	100	112.8	27	7.74%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2020	PDR	39.47	44.9	35.55	40.7	29	3.12%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	26	35	5.69%	Có thể tiếp tục mua
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	55.7	41	4.70%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	109.9	58	0.64%	Có thể tiếp tục mua
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	12.25	62	7.93%	Có thể tiếp tục mua
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	56.4	70	5.82%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	27.3	73	3.06%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24.25	91	-4.53%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/12/2020	HBC	11.15	14	10	FS	13	12.11%
11/10/2020	PVS	14.3	16	13.5	TP	9	11.89%
11/5/2020	HDC	23.45	29.5	21	FS	21	8.74%
11/4/2020	PWA	10.4	11.5	9.2	TP	5	10.58%
11/3/2020	GVR	15.5	18.75	13	TP	15	20.97%
10/29/2020	IMP	49	58	46	FS	27	12.04%
10/27/2020	KDH	24.3	26.75	23.5	TP	27	10.08%
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	SL	3	-2.65%
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	SL	6	-8.96%
10/21/2020	DHC	46	52	44	TP	23	13.04%
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	TP	20	11.78%
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	TP	26	13.27%
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	SL	16	-5.91%
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	TP	16	11.11%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	18	2	3.92%	-3.17%	3.21%	30
Cổ phiếu đã chốt	65	35	12.30%	-7.57%	5.35%	30

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2012	970.20	1.06%	6.04	-10.6%	114,082	12/17/2020	21
VN30F2101	969.00	1.87%	4.84	-4.6%	290	1/21/2021	56
VN30F2103	966.90	1.02%	2.74	-40.5%	25	3/18/2021	112
VN30F2106	967.90	1.22%	3.74	-18.2%	27	6/17/2021	203

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 3.53 điểm lên 964.16 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như CTG, VPB, STB, SAB và FPT tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 nằm dưới mốc tham chiếu trong phần lớn thời gian giao dịch nhưng đã tăng nhẹ về cuối phiên. VN30 có thể hướng tới khu vực quanh 970 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Tất cả các hợp đồng đều giảm về khối lượng giao dịch và tăng về vị thế mở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 970 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2008	1/14/2021	49	2:1	822,720	41.99%	1,800	2,770	8.20%	2,736	1.01	25,600	22,000	27,200
CHPG2008	11/30/2020	4	1:1	10,060	35.98%	4,100	15,970	3.43%	7,115	2.24	32,100	28,000	35,100
CVJC2005	2/8/2021	74	10:1	380,720	27.95%	2,000	2,300	1.77%	2,143	1.07	120,000	100,000	120,100
CMBB2007	1/14/2021	49	2:1	193,840	32.60%	1,400	2,800	1.08%	1,365	2.05	17,217	14,783	19,500
CMWG2010	1/14/2021	49	10:1	842,750	39.29%	1,400	3,300	0.92%	3,138	1.05	94,672	80,865	112,800
CMWG2012	2/8/2021	74	5:1	251,660	39.29%	4,390	7,150	0.70%	6,742	1.06	100,539	78,893	112,800
CVIC2006	4/1/2021	126	10:1	433,650	35.22%	1,700	2,470	0.00%	2,204	1.12	104,000	87,000	106,100
CHPG2020	6/30/2021	216	1:1	25,580	35.98%	5,700	11,330	-0.61%	10,294	1.10	31,700	26,000	35,100
CHPG2014	4/19/2021	144	1:1	259,690	35.98%	7,200	17,610	-1.07%	9,384	1.88	33,700	26,500	35,100
CVNM2013	4/1/2021	126	10:1	54,110	29.95%	1,900	1,600	-1.23%	1,184	1.35	123,000	104,000	109,900
CHPG2018	5/14/2021	169	4:1	670,910	35.98%	1,200	2,100	-1.41%	1,703	1.23	34,799	29,999	35,100
CPNJ2006	1/14/2021	49	10:1	42,360	37.86%	1,000	1,850	-1.60%	1,768	1.05	69,000	59,000	76,200
CVRE2012	4/1/2021	126	4:1	321,350	41.80%	1,300	1,170	-2.50%	913	1.28	31,700	26,500	27,900
CHPG2021	4/1/2021	126	2:1	181,480	35.98%	2,400	5,520	-4.17%	5,312	1.04	29,800	25,000	35,100
CVNM2004	11/30/2020	4	1:1	1,420	29.95%	17,500	17,450	-5.78%	15	1,159.47	113,048	95,548	109,900
CHPG2017	2/18/2021	84	4:1	576,520	35.98%	1,000	2,090	-5.86%	1,709	1.22	32,888	28,888	35,100
CHPG2022	5/4/2021	159	2:1	582,650	35.98%	2,100	4,870	-5.98%	4,532	1.07	31,200	27,000	35,100
CHPG2023	1/12/2021	47	1:1	369,580	35.98%	2,100	7,500	-6.13%	6,856	1.09	30,600	28,500	35,100
CVHM2007	2/8/2021	74	5:1	729,540	37.31%	2,900	2,300	-6.50%	2,100	1.10	89,500	75,000	82,700
CHPG2010	4/5/2021	130	4:1	520,270	35.98%	1,800	2,950	-8.10%	1,086	2.72	40,300	33,100	35,100
Tổng				7,270,860	35.85%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/11/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.
- Về giá, CHDB2003 và CVRE2003 tăng mạnh nhất lần lượt là 91% và 20%, ở chiều hướng ngược lại, CVRE2005 và CROS2002 giảm mạnh nhất lần lượt là 86% và 25%. Thanh khoản thị trường giảm 32.53%. CHPG2014 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.71% thị trường.
- Có 13/125 chứng quyền có giá thị trường thấp hơn giá lý thuyết. CMWG2007 và CMSN2010 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMSN2012 và CHPG2008 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	112.8	0.7%	1.2	2,220	4.0	8,517	13.2	3.4	49.0%	29.0%
PNJ	Bán lẻ	76.2	0.0%	1.2	746	2.7	4,592	16.6	3.5	49.0%	22.8%
BVH	Bảo hiểm	54.6	-1.1%	1.5	1,762	2.1	1,731	31.5	2.0	28.6%	7.1%
PVI	Bảo hiểm	31.4	1.0%	0.3	305	0.1	2,729	11.5	1.0	54.4%	9.1%
VIC	Bất động sản	106.1	0.5%	0.8	15,603	2.5	2,660	39.9	4.2	13.9%	11.0%
VRE	Bất động sản	27.9	-1.2%	1.1	2,756	3.8	1,001	27.9	2.2	30.6%	8.1%
VHM	Bất động sản	82.7	-1.0%	1.2	11,828	8.3	6,895	12.0	3.6	21.9%	35.4%
DXG	Bất động sản	13.7	-0.4%	1.4	309	2.6	(151)		1.1	36.4%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	19.2	-0.3%	1.3	500	4.4	1,834	10.4	1.2	48.4%	11.5%
VCI	Chứng khoán	41.7	0.0%	1.0	300	0.9	3,770	11.1	1.7	26.2%	15.9%
HCM	Chứng khoán	24.2	-0.4%	1.6	321	2.7	1,705	14.2	1.7	48.6%	11.8%
FPT	Công nghệ	55.7	0.9%	0.8	1,898	3.9	4,236	13.1	2.9	49.0%	23.1%
FOX	Công nghệ	53.5	0.9%	0.4	636	0.0	4,812	11.1	2.8	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	83.3	0.7%	1.5	6,932	4.0	4,752	17.5	3.4	3.0%	19.7%
PLX	Dầu khí	51.4	2.0%	1.5	2,724	3.6	682	75.4	3.1	15.8%	4.3%
PVS	Dầu khí	15.1	-0.7%	1.5	314	2.2	1,621	9.3	0.6	10.5%	6.3%
BSR	Dầu khí	7.3	-3.9%	0.8	984	3.2	898	8.1	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	103.4	0.1%	0.5	588	0.0	5,405	19.1	4.0	54.8%	21.7%
DPM	Hóa chất	17.3	-0.6%	0.4	294	0.9	2,011	8.6	0.8	12.7%	10.4%
DCM	Hóa chất	12.2	0.4%	0.5	281	0.8	872	14.0	1.0	3.5%	7.4%
VCB	Ngân hàng	94.0	0.5%	1.1	15,158	2.8	4,630	20.3	3.7	23.7%	19.7%
BID	Ngân hàng	42.6	3.1%	1.3	7,449	7.9	2,126	20.0	2.2	17.3%	12.5%
CTG	Ngân hàng	34.1	3.2%	1.2	5,512	17.0	2,948	11.5	1.5	29.0%	14.0%
VPB	Ngân hàng	27.2	1.9%	1.2	2,883	9.1	4,111	6.6	1.3	23.0%	22.2%
MBB	Ngân hàng	19.5	0.3%	1.1	2,351	10.5	2,995	6.5	1.2	23.0%	20.0%
ACB	Ngân hàng	27.4	0.4%	0.9	2,575	11.9	3,109	8.8	1.8	30.0%	23.0%
BMP	Nhựa	58.3	-0.3%	0.9	207	0.5	6,186	9.4	2.0	81.2%	20.7%
NTP	Nhựa	33.8	1.8%	0.4	173	0.1	3,820	8.8	1.5	19.0%	17.5%
MSR	Tài nguyên	16.1	-1.2%	0.4	692	0.2	356	45.2	1.3	1.6%	2.9%
HPG	Thép	35.1	-1.4%	1.2	5,056	50.0	3,241	10.8	2.1	33.5%	21.3%
HSG	Thép	18.5	2.2%	1.6	357	6.2	2,591	7.1	1.2	11.4%	19.1%
VNM	Tiêu dùng	109.9	-0.5%	0.8	9,985	7.1	4,784	23.0	7.8	58.0%	35.3%
SAB	Tiêu dùng	195.0	1.5%	0.8	5,437	2.1	6,312	30.9	6.3	63.1%	22.6%
MSN	Tiêu dùng	83.7	1.7%	1.0	4,275	1.8	2,067	40.5	4.8	33.7%	8.9%
SBT	Tiêu dùng	17.9	-3.0%	0.9	455	2.5	702	25.4	1.5	6.2%	5.5%
ACV	Vận tải	70.9	-1.5%	0.8	6,711	1.0	3,450	20.6	4.2	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	120.1	0.9%	1.1	2,735	3.1	(1,528)		4.5	18.2%	-5.6%
HVN	Vận tải	26.7	-0.6%	1.7	1,646	0.5	(7,345)		5.6	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	27.4	1.5%	0.9	354	1.3	1,179	23.2	1.4	49.0%	5.8%
PVT	Vận tải	13.0	3.1%	1.2	183	2.1	1,709	7.6	0.9	16.9%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	79.2	-0.4%	1.1	534	1.1	8,260	9.6	3.3	2.9%	39.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	26.1	0.4%	0.7	509	0.3	1,411	18.5	1.9	7.6%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.1	-0.3%	0.9	283	0.5	1,762	9.7	1.1	5.9%	11.9%
CTD	Xây dựng	64.0	0.3%	1.0	212	2.0	7,504	8.5	0.6	46.0%	6.9%
CII	Xây dựng	17.4	-0.9%	0.3	181	0.6	114	152.5	0.8	29.8%	0.5%
REE	Điện	46.4	1.1%	-1.4	625	0.8	4,599	10.1	1.3	49.0%	13.7%
PC1	Điện	25.7	-3.2%	-0.4	178	0.9	2,689	9.5	1.1	14.1%	11.8%
POW	Điện	9.9	0.2%	0.6	1,006	1.4	679	14.5	0.8	9.2%	5.8%
NT2	Điện	23.0	-0.9%	0.6	287	0.2	2,103	10.9	1.6	19.4%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	15.7	3.3%	0.8	321	2.1	879	17.9	0.8	18.0%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	40.1	7%	1.0	1,805	0.8			2.7	1.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	42.60	3.15	1.45	4.36MLN
CTG	34.05	3.18	1.08	11.62MLN
BCM	40.10	6.93	0.75	480600.00
GVR	19.40	2.65	0.55	5.64MLN
VCB	94.00	0.53	0.51	698350

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.74	2.31MLN	1.11MLN
HPG	0.00	-0.46	33.16MLN	607060
VNM	0.00	-0.35	1.49MLN	373600
VRE	0.00	-0.23	3.16MLN	192700
BVH	0.00	-0.12	892770	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CVT	48.15	7.00	0.03	499950.00
POM	10.75	6.97	0.05	453620
BCM	40.10	6.93	0.75	480600
HRC	41.70	6.92	0.02	560
FMC	36.30	6.92	0.03	1.26MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVI	75.80	-6.99	-0.02	1150
TPC	8.36	-6.90	0.00	190
RIC	4.19	-6.68	0.00	3860.00
LSS	7.71	-6.43	-0.01	618250
VNL	16.00	-5.33	0.00	1000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

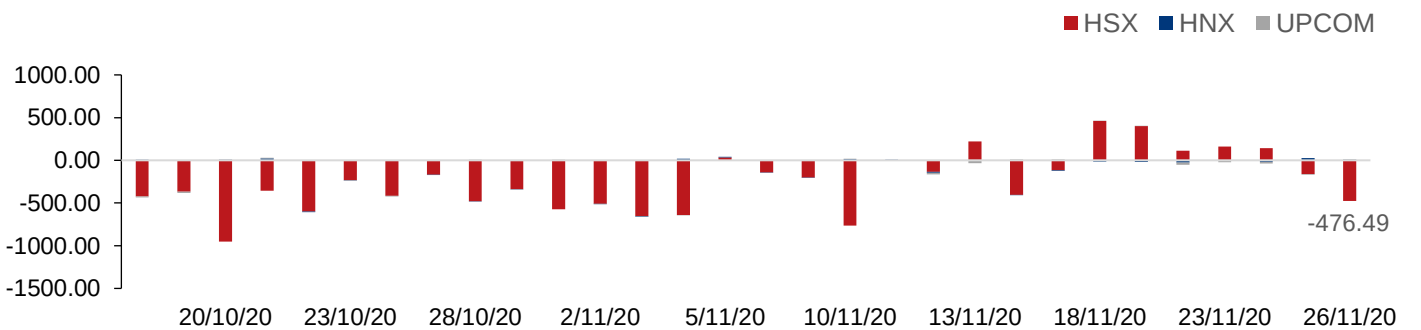
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	27.40	0.37	0.20	10.03MLN
OCH	8.40	9.09	0.06	9500.00
PHP	14.40	9.92	0.04	227400
CEO	7.50	2.74	0.03	3.15MLN
VHL	26.90	8.47	0.03	100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
#N/	17.00	-2.86	-0.05	4.48MLN
HLD	32.40	-5.54	-0.02	382100
DNP	17.70	-1.67	-0.02	300
SJ1	15.50	-9.36	-0.01	2200
NDN	19.30	-1.03	-0.01	244200

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FID	1.00	11.1	0.00	76400
PHP	14.40	9.9	0.04	227400
ARM	39.10	9.8	0.00	100
SIC	11.30	9.7	0.01	600
HEV	14.70	9.7	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.70	-12.50	-0.01	655500
HVT	32.00	-9.86	-0.01	28100
NHC	28.80	-9.72	-0.01	100
ADC	16.20	-9.50	0.00	100
CMC	5.30	-8.62	0.00	200

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.2	1,412	8.6	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	27.4	3,109	8.8	1.8	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	70.9	3,450	20.6	4.2	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.6	4,752	5.8	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	34.1	2,948	11.5	1.5	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	42.7	13,673	3.1	1.1	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	46.7	5,316	8.8	1.8	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	78.1	5,241	14.9	3.2	Click
9	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	103.4	5,405	19.1	4.0	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	17.3	2,011	8.6	0.8	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	21.1	1,918	11.0	1.5	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	13.7	-151		1.1	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	55.7	4,236	13.1	2.9	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	27.4	1,179	23.2	1.4	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	27.4	6,870	4.0	1.4	Click
16	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	35.1	3,241	10.8	2.1	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	18.5	2,591	7.1	1.2	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	15.7	879	17.9	0.8	Click
19	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	26.3	2,066	12.7	1.9	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	26.3	2,066	12.7	1.9	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	12.3			0.9	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	27.7	2,528	11.0	1.1	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	83.7	2,067	40.5	4.8	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	112.8	8,517	13.2	3.4	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	28.4	2,627	10.8	1.5	Click
26	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	308.0	14,782	20.8	8.5	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	62.6	3,674	17.0	2.7	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	25.5	1,928	13.2	1.6	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	76.2	4,592	16.6	3.5	Click
30	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	13.3	0	22.7	0.4	Click
31	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.0	1,709	7.6	0.9	Click
32	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	34.8	4,313	8.1	1.6	Click
33	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	195.0	6,312	30.9	6.3	Click
34	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	17.9	702	25.4	1.5	Click
35	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	29.5	1,816	16.2	2.4	Click
36	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	23.6	3,258	7.2	1.2	Click
37	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	94.0	4,630	20.3	3.7	Click
38	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	47.4	5,479	8.7	2.4	Click
39	VGI	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	9.3	885	10.5	0.8	Click
40	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	45.1	5,130	8.8	1.5	Click
41	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	109.9	4,784	23.0	7.8	Click
42	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	27.2	4,111	6.6	1.3	Click
43	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	27.9	1,001	27.9	2.2	Click
44	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	109.1	4,105	26.6	9.4	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

- 

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...
- 

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.
- 

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.
- 

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày		
Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 18600; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 79390; Giá tại Publish 66000 Dự báo KQKD:
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 15000; Giá tại Publish 11150 Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần
Express DXG 2020Q4	8/10/20	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639